

CHÍNH SÁCH ĐÔ THỊ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTKT ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- Thiết lập các nguyên tắc và định hướng nhằm xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc an toàn, văn minh, thân thiện và bền vững.
- Góp phần nâng cao chất lượng không gian giáo dục, cảnh quan và hạ tầng phục vụ người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và khách đến làm việc.
- Thúc đẩy các hoạt động gắn kết giữa Nhà trường với cộng đồng địa phương trong phát triển bền vững.
- Tăng cường trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường sống, bảo tồn các giá trị văn hóa và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất.
- Góp phần thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 11 của Liên Hiệp Quốc về Đô thị và cộng đồng bền vững.

Điều 2. Căn cứ xây dựng chính sách

Chính sách này được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Xây dựng.
- Luật số: 47/2024/QH15: Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Bảo vệ môi trường.
- Luật Người khuyết tật.
- Luật số 55/2024/QH15 của Quốc hội: Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
- Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương giai đoạn 2025-2030.
- Bộ Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (SDGs), trong đó SDG 11 về Đô thị và cộng đồng bền vững.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

Chính sách này được triển khai đối với toàn bộ hoạt động của Nhà trường, bao gồm:

1. Quản lý, vận hành và phát triển cơ sở vật chất.
2. Hoạt động đào tạo.
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học.
4. Hoạt động phục vụ cộng đồng.
5. Hoạt động đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hạ tầng.
6. Các hoạt động hợp tác có liên quan đến phát triển cộng đồng và môi trường sống bền vững.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

1. Người học.
2. Học viên và nghiên cứu sinh (nếu có).
3. Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên toàn trường.
4. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Nhà trường.

Chương II: QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH

Điều 5. Quan điểm và định hướng thực hiện

1. Phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường theo hướng an toàn, hiệu quả, thân thiện với môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững.
2. Người học là trung tâm của các hoạt động đầu tư, quản lý và khai thác không gian học tập, nghiên cứu và sinh hoạt.
3. Mọi đối tượng trong Nhà trường đều có cơ hội tiếp cận công bằng đối với cơ sở vật chất, dịch vụ và tiện ích công cộng.
4. Việc bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử, giáo dục và truyền thống của Nhà trường được gắn với quá trình phát triển và hiện đại hóa.
5. Phát triển Nhà trường gắn với trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương và xã hội.

Điều 6. Mục tiêu của chính sách

1. Xây dựng môi trường học tập và làm việc an toàn
Bảo đảm các công trình, hạ tầng và không gian trong khuôn viên đáp ứng yêu cầu về an toàn, vệ sinh và sức khỏe cho người sử dụng.
2. Phát triển cơ sở vật chất theo hướng bền vững

Từng bước nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và quản lý công trình, hạ tầng kỹ thuật và các nguồn lực phục vụ hoạt động của Nhà trường.

3. Tăng cường khả năng tiếp cận

Bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người khuyết tật trong việc sử dụng cơ sở vật chất và dịch vụ của Nhà trường.

4. Phát triển cảnh quan và không gian xanh

Duy trì và mở rộng các khu vực cây xanh, cảnh quan và không gian sinh hoạt chung phục vụ cộng đồng học tập.

5. Gìn giữ giá trị văn hóa và giáo dục

Phát huy bản sắc, truyền thống và các giá trị văn hóa của Nhà trường trong quá trình phát triển.

6. Tăng cường đóng góp cho cộng đồng

Thúc đẩy các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng liên quan đến phát triển đô thị và cộng đồng bền vững.

Chương III: NỘI DUNG THỰC HIỆN

Điều 7. Quản lý và phát triển cơ sở vật chất bền vững

1. Thực hiện quy hoạch, đầu tư, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất phù hợp với nhu cầu phát triển của Nhà trường.

2. Bảo đảm các công trình được vận hành an toàn, hiệu quả và đáp ứng các quy định của pháp luật.

3. Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ nhằm kéo dài tuổi thọ công trình và thiết bị.

4. Ưu tiên áp dụng các giải pháp kỹ thuật góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm tác động đến môi trường.

Điều 8. Xây dựng môi trường học tập và làm việc an toàn

1. Duy trì các điều kiện về an toàn lao động, an toàn công trình và vệ sinh môi trường.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật.

3. Xây dựng các phương án ứng phó sự cố, thiên tai và tình huống khẩn cấp.

4. Tổ chức phổ biến kiến thức và kỹ năng bảo đảm an toàn cho người học cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

Điều 9. Bảo đảm khả năng tiếp cận và hòa nhập

1. Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm nâng cao khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật.
2. Khuyến khích áp dụng các giải pháp hỗ trợ người học có nhu cầu đặc thù trong tiếp cận dịch vụ và tiện ích của Nhà trường.
3. Bảo đảm việc sử dụng các công trình và dịch vụ công cộng trên nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử.

Điều 10. Phát triển không gian xanh và cảnh quan

1. Duy trì, chăm sóc và phát triển hệ thống cây xanh trong khuôn viên Trường.
2. Tăng cường các khu vực sinh hoạt chung, nghỉ ngơi, học tập và giao lưu ngoài trời.
3. Khuyến khích các hoạt động bảo vệ cảnh quan và giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp.
4. Hạn chế các hành vi gây ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường trong khuôn viên.

Điều 11. Gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa

1. Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, lịch sử và văn hóa của Nhà trường.
2. Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, văn hóa và trách nhiệm xã hội cho người học.
3. Khuyến khích nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ và quảng bá các giá trị văn hóa gắn với sự phát triển của Nhà trường và địa phương.

Điều 12. Giao thông nội bộ và tiếp cận an toàn

1. Tổ chức, quản lý các tuyến đường, khu vực lưu thông và bãi đỗ xe bảo đảm trật tự, an toàn.
2. Bố trí biển báo, chỉ dẫn và các biện pháp bảo đảm an toàn cho người đi bộ.
3. Khuyến khích sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường và các hình thức di chuyển phù hợp trong khuôn viên.
4. Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc bảo đảm an ninh, an toàn giao thông khu vực xung quanh Nhà trường.

Điều 13. Hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Khuyến khích tổ chức các hoạt động tình nguyện, phục vụ cộng đồng và phát triển địa phương.
2. Hỗ trợ các chương trình nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và văn minh đô thị.

3. Thúc đẩy hợp tác với chính quyền địa phương, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư.

4. Khuyến khích người học tham gia các hoạt động vì cộng đồng và phát triển xã hội.

Điều 14. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. Lồng ghép các nội dung liên quan đến phát triển bền vững, quy hoạch đô thị, môi trường sống và trách nhiệm xã hội trong các học phần phù hợp.

2. Khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến phát triển đô thị, cộng đồng, môi trường và chất lượng sống.

3. Thúc đẩy các hoạt động chuyển giao tri thức và giải pháp phục vụ phát triển cộng đồng bền vững.

Điều 15. Tiếp cận cộng đồng đối với cơ sở vật chất và nguồn lực của Nhà trường

1. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện để cộng đồng địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và các đối tượng có liên quan được tiếp cận, sử dụng một số cơ sở vật chất, không gian và nguồn lực của Nhà trường theo quy định hiện hành.

2. Các nguồn lực có thể được xem xét phục vụ cộng đồng bao gồm:

- + Thư viện và nguồn học liệu.
- + Hội trường, phòng họp, không gian tổ chức sự kiện.
- + Khu vực thể thao, sân bãi và các công trình phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ.
- + Không gian học tập, sinh hoạt cộng đồng và các tiện ích công cộng khác phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

3. Việc sử dụng cơ sở vật chất và nguồn lực của Nhà trường phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản trị và các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà trường.

4. Nhà trường khuyến khích tổ chức các hoạt động học thuật, văn hóa, giáo dục, tư vấn pháp luật, khởi nghiệp, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng phục vụ người dân địa phương.

5. Việc khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất và nguồn lực của Nhà trường đối với cộng đồng được thực hiện theo các quy định nội bộ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Bảo tồn giá trị văn hóa và thúc đẩy giáo dục văn hóa địa phương

1. Nhà trường tôn trọng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống của dân tộc, của địa phương và của Nhà trường trong quá trình phát triển.

2. Khuyến khích tổ chức các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, hội thảo, tọa đàm, triển lãm và chương trình giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về văn hóa, lịch sử và di sản địa phương.

3. Tăng cường lồng ghép các nội dung liên quan đến văn hóa, lịch sử, bản sắc địa phương và trách nhiệm công dân trong các hoạt động đào tạo, sinh hoạt học thuật và hoạt động ngoại khóa phù hợp.

4. Khuyến khích người học, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia các hoạt động tìm hiểu, gìn giữ, quảng bá và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương và quốc gia.

5. Nhà trường tăng cường hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức văn hóa, bảo tàng, thư viện, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nhằm triển khai các hoạt động bảo tồn, giáo dục và phát huy giá trị văn hóa phục vụ cộng đồng.

6. Các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm lưu giữ, quảng bá và phát huy các giá trị truyền thống, lịch sử hình thành và phát triển của Nhà trường; góp phần xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, giàu bản sắc và trách nhiệm xã hội.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Đơn vị chủ trì

Phòng Cơ sở vật chất là đơn vị đầu mối tham mưu, tổ chức triển khai, theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện Chính sách Đô thị và cộng đồng bền vững trong toàn Trường.

Điều 18. Đơn vị phối hợp

1. Phòng Tổ chức - Hành chính.
2. Phòng Quản lý đào tạo.
3. Phòng Công tác sinh viên.
4. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế.
5. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
6. Các khoa, viện, trung tâm.
7. Đoàn Thanh niên.
8. Hội Sinh viên.

Điều 19. Nguồn lực thực hiện

1. Nguồn lực tài chính
 - a) Kinh phí từ ngân sách thường xuyên của Nhà trường.
 - b) Kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất theo kế hoạch hằng năm.

c) Nguồn thu hợp pháp từ các hoạt động dịch vụ, hợp tác, liên kết của Nhà trường theo quy định.

d) Nguồn tài trợ, viện trợ, hỗ trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Nhà trường.

2. Nguồn lực nhân sự

a) Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên thuộc các đơn vị chức năng của Nhà trường.

b) Người học tham gia các chương trình, hoạt động phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Đội ngũ chuyên gia, cố vấn, cộng tác viên và tình nguyện viên.

d) Nhân sự từ các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức đối tác tham gia phối hợp triển khai các hoạt động liên quan.

3. Nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng

a) Hệ thống giảng đường, phòng học, phòng họp, hội trường và không gian sinh hoạt chung.

b) Thư viện, thư viện số, cơ sở dữ liệu học thuật và các nguồn học liệu phục vụ cộng đồng học tập.

c) Khuôn viên, cảnh quan, cây xanh, khu vực công cộng và không gian mở của Nhà trường.

d) Sân thể thao, công trình văn hóa, các thiết chế phục vụ hoạt động cộng đồng và ngoại khóa.

đ) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử, nền tảng số và các phương tiện truyền thông phục vụ công tác tuyên truyền, quản lý và giám sát thực hiện chính sách.

4. Nguồn lực từ hoạt động hợp tác và liên kết

a) Các chương trình hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

b) Các dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển cộng đồng có liên quan đến mục tiêu của chính sách.

c) Các chương trình phục vụ cộng đồng, bảo tồn văn hóa, phát triển đô thị bền vững và nâng cao chất lượng môi trường sống.

d) Nguồn tài trợ, học bổng, trang thiết bị và các hỗ trợ hợp pháp khác từ các đối tác trong và ngoài nước.

5. Trách nhiệm bảo đảm nguồn lực

Hằng năm, căn cứ kế hoạch phát triển của Nhà trường và yêu cầu triển khai chính sách, các đơn vị liên quan có trách nhiệm đề xuất nhu cầu nguồn lực, phối hợp bố trí kinh phí, nhân sự và điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện; đồng thời khai thác hiệu quả các nguồn lực hợp pháp từ bên ngoài nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu của chính sách.

Chương V: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN

Điều 20. Chỉ số theo dõi và đánh giá

Nhà trường tổ chức theo dõi tối thiểu các chỉ số sau:

1. Diện tích cây xanh trong khuôn viên Trường.
2. Tỷ lệ công trình được bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch.
3. Số lượng hạng mục được cải tạo nhằm nâng cao khả năng tiếp cận cho người khuyết tật.
4. Số lượng hoạt động phục vụ cộng đồng được triển khai hằng năm.
5. Số lượng hoạt động truyền thông, tập huấn về phát triển bền vững.
6. Số lượng đề tài nghiên cứu liên quan đến SDG 11.
7. Tỷ lệ phản ánh liên quan đến cơ sở vật chất, an toàn và môi trường được tiếp nhận, xử lý.
8. Số lượng hoạt động phục vụ cộng đồng được tổ chức tại hoặc thông qua cơ sở vật chất của Nhà trường hằng năm.
9. Số lượng hoạt động bảo tồn, quảng bá và giáo dục về văn hóa, lịch sử, di sản địa phương được tổ chức hằng năm.

Điều 21. Tổ chức theo dõi và giám sát

1. Các đơn vị có trách nhiệm thu thập số liệu, lưu trữ hồ sơ và minh chứng liên quan.
3. Kết quả thực hiện được tổng hợp và báo cáo định kỳ hằng năm.
4. Các nội dung liên quan đến đô thị và cộng đồng bền vững được lồng ghép trong báo cáo phát triển bền vững và các báo cáo quản trị của Nhà trường.

Điều 22. Rà soát, đánh giá và cải tiến

1. Chính sách được rà soát tối thiểu 01 lần trong năm học.
2. Đánh giá giữa kỳ vào năm 2027.
3. Đánh giá tổng thể vào năm 2030.
4. Chính sách được xem xét điều chỉnh khi có thay đổi về quy định pháp luật, chiến lược phát triển của Nhà trường hoặc yêu cầu từ các tổ chức kiểm định, xếp hạng và các bên liên quan.